

Số: 44 /2021/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp về giải quyết
việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 21 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ số, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 788/STP-HC&BTTP ngày 07 tháng 9 năm 2021 và Báo cáo thẩm định số 303/BC-STP ngày 27 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tư pháp, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công an tỉnh, Đài

Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL,
Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, NC.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY CHẾ

Phối hợp về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp trong việc giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Y tế, Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Các cơ sở nuôi dưỡng.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và các Điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.

2. Quá trình phối hợp không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động bình thường của các cơ quan có liên quan.

3. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời và có hiệu quả.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp liên ngành.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.

4. Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành.

5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT
VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Phối hợp trong việc lập Biên bản trẻ em bị bỏ rơi và tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng

1. Người phát hiện trẻ em bị bỏ rơi hoặc Thủ trưởng cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi để lập Biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi tổ chức lập biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi ngay sau khi nhận được thông báo từ người phát hiện trẻ bị bỏ rơi hoặc Thủ trưởng cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi. Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại cơ quan lập, một bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ và phải được người lập, những người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Tìm người hoặc tổ chức tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Trường hợp có cá nhân, gia đình cư trú tại địa bàn của xã/phường/thị trấn đăng ký nhận chăm sóc thay thế trẻ em thì lựa chọn gia đình, cá nhân chăm sóc thay thế, quyết định giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trẻ em. Trường hợp cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế đề nghị chấm dứt việc chăm sóc thay thế hoặc không có cá nhân, gia đình nào đăng ký nhận chăm sóc thay thế thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Niêm yết biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong 07 (bảy) ngày liên tục theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

c) Thông báo cho cá nhân, tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em bị bỏ rơi để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ em khi hết thời hạn niêm yết mà vẫn không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ.

4. Cơ sở y tế nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh đúng theo quy định của pháp luật đối với trẻ em sinh ra và bị bỏ rơi tại cơ sở y tế để tránh tình trạng làm giả hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi.

b) Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo về việc trẻ em bị bỏ rơi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tình trạng nhân thân của trẻ em bị bỏ rơi theo hồ sơ ban đầu tại cơ sở y tế theo đúng quy định.

5. Cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm:

Tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi sau khi nhận được hồ sơ trẻ em do Ủy ban nhân dân cấp xã lập và thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phối hợp trong việc rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Hàng tháng, rà soát, đánh giá việc trẻ em trên địa bàn cần được nhận làm con nuôi đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp có cá nhân, gia đình nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa không có cá nhân, gia đình nhận làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ chuyển trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ sở nuôi dưỡng:

a) Đánh giá việc trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng cần được nhận làm con nuôi, lập danh sách trẻ em cần được chuyển hình thức chăm sóc thay thế ở cơ sở nuôi dưỡng đến gia đình nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

b) Lập hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Nuôi con nuôi, gồm: các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Nuôi con nuôi; văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em theo mẫu số 06 Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTP, xin ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với Làng Trẻ em mồ côi Hà Tĩnh) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cơ sở nuôi dưỡng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

3. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ sở nuôi dưỡng gửi: trường hợp đồng ý lập hồ sơ tìm gia đình thay thế cho trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi, đồng thời gửi cơ sở nuôi dưỡng biết; trường hợp không đồng ý lập hồ sơ tìm gia đình thay thế cho trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến bằng văn bản gửi cơ sở nuôi dưỡng.

4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ trẻ em, trường hợp có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đủ điều kiện nhận con nuôi đăng ký nhu cầu nhận con nuôi thì Sở Tư pháp có văn bản giới thiệu và giao 01 (một) bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để được xem xét, giải quyết đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đủ điều kiện nhận con nuôi đăng ký nhu cầu nhận con nuôi:

Đối với trẻ em không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP thì Sở Tư pháp đăng tin tìm người nhận trẻ em làm con nuôi trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi. Sau khi hết thời hạn thông báo, trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em làm con nuôi thì Sở Tư pháp gửi Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp 01 (một) bộ hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Nuôi con nuôi để tìm người nhận con nuôi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi.

Đối với trẻ em thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP thì Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi và gửi Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp 01 (một) bộ hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi và khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP để tìm người nhận con nuôi đích danh có điều kiện phù hợp với việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em.

5. Trách nhiệm của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:

Đăng tải miễn phí thông tin về việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 6. Phối hợp trong việc xác minh hồ sơ của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Đề nghị Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với các trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi nước ngoài.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời của Công an tỉnh cần nêu rõ nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, không xác định được cha, mẹ đẻ; trường hợp xác định được cha, mẹ đẻ của trẻ em thì nêu rõ họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em để Sở Tư pháp tiến hành thủ tục lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

b) Kịp thời xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP để tạo điều kiện cho trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo sớm tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài và được chữa trị, chăm sóc sức khỏe trong điều kiện y tế hiện đại.

c) Phối hợp với Sở Tư pháp trong trường hợp cần tiếp tục xác minh bổ sung về nguồn gốc của trẻ em.

Điều 7. Phối hợp trong việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài đối với trẻ em bị bỏ rơi

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi mà Công an tỉnh xác minh được thông tin về cha, mẹ đẻ và Sở Tư pháp liên hệ được với cha, mẹ đẻ thì Sở Tư pháp tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi.

b) Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi và có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha, mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi cư trú cuối cùng xác định được xác nhận về việc cha, mẹ đẻ không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện tại, thì Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng xác định được của cha, mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Theo đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng xác định được của cha, mẹ đẻ của trẻ có trách nhiệm niêm yết về việc cho trẻ em làm con nuôi tại trụ sở. Thời hạn niêm yết là 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Hết thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tư pháp bằng văn bản về kết quả niêm yết.

Điều 8. Phối hợp trong việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Trường hợp trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp phải có văn bản xác nhận đối với từng trường hợp cụ thể. Văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo mẫu số 05 Phụ lục 03 kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTP. Việc xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài phải bảo đảm trẻ em đáp ứng đủ các yêu cầu về độ tuổi, đối tượng được nhận đích danh, đối tượng phải thông qua thủ tục giới thiệu; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ.

b) Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi

nước ngoài theo diện đích danh đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc khi thông qua thủ tục giới thiệu.

c) Sau khi trẻ em được xác nhận đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp gửi Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

Phối hợp cho ý kiến kịp thời, đúng thời hạn theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 9. Phối hợp trong việc giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi nước ngoài

Việc giới thiệu trẻ em không thuộc diện trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo làm con nuôi nước ngoài phải bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài quy định tại Điều 35 của Luật Nuôi con nuôi và thực hiện như sau:

1. Sở Tư pháp gửi văn bản kèm theo phụ lục tóm tắt hồ sơ trẻ em và hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Công an tỉnh, Làng Trẻ em mồ côi Hà Tĩnh (đối với trẻ sống ở Làng Trẻ em mồ côi Hà Tĩnh), UBND cấp huyện (đối với trẻ sống ở cơ sở nuôi dưỡng trên địa bàn huyện) đề nghị cho ý kiến về phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể mời chuyên gia y tế, tâm lý, gia đình, xã hội tham gia ý kiến về các phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị, địa phương được hỏi ý kiến trả lời Sở Tư pháp bằng văn bản. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài của Sở Tư pháp.

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài cho Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp.

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu của Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Sau 03 (ba) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý mà Sở Tư pháp không giới thiệu được thì Sở Tư pháp phải gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

Điều 10. Phối hợp trong việc quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài

Các cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài có trách nhiệm:

1. Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bảo đảm cho công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Các nội dung chi được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài và Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Một số mức chi chưa có quy định nhưng cần thiết để phục vụ cho công việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được vận dụng các mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

2. Sử dụng, chấp hành, quyết toán kinh phí và báo cáo việc sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm chung của các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Thực hiện đúng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.
2. Chủ động tham gia, thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.
3. Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình khi có đề nghị của Sở Tư pháp.
4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp liên ngành, Đoàn công tác liên ngành.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới.
3. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ động chuẩn bị nội dung, tổ chức các cuộc họp liên ngành thường kỳ hoặc đột xuất hoặc trao đổi ý kiến liên ngành bằng văn bản để đảm bảo hiệu quả của công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc rà soát, đánh giá và giải quyết việc nuôi con nuôi đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP nhằm tăng cường công tác nuôi con nuôi trong nước.

6. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp.

7. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Tiếp nhận, xử lý, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết văn bản, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đúng thời hạn quy định của Luật Nuôi con nuôi, Quy chế này và văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì đôn đốc, hướng dẫn Làng Trẻ em mồ côi Hà Tĩnh thực hiện trách nhiệm nêu tại Điều 19 Quy chế này.

2. Chủ trì việc rà soát, đánh giá năng lực các Cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét củng cố, kiện toàn cơ sở vật chất, nâng cao năng lực Cơ sở trợ giúp xã hội nhằm tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh (nếu có).

3. Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh, lập hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc các sự kiện sinh khác theo yêu cầu của Công an tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Tư pháp.

Điều 16. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi người nước ngoài theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an các huyện, thành phố, thị xã thực hiện công tác phối hợp và hướng dẫn Công an xã, phường, thị trấn chủ trì hoặc

phối hợp lập biên bản phát hiện trẻ bị bỏ rơi khi nhận được thông báo theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về những vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong giải quyết việc con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh phương án kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đảm bảo quy trình, thủ tục theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi và Quy chế này.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung phối hợp; kiểm tra, theo dõi tình hình nuôi con nuôi trên địa bàn quản lý. Rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) về tình hình công tác giải quyết nuôi con nuôi ở địa phương khi có yêu cầu.

3. Chủ trì đôn đốc, hướng dẫn cơ sở nuôi dưỡng trẻ em thuộc quyền quản lý thực hiện trách nhiệm nêu tại Điều 19 Quy chế này.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này; báo cáo về tình hình công tác giải quyết nuôi con nuôi ở địa phương, khó khăn, vướng mắc phát sinh, kiến nghị (nếu có) trong quá trình thực hiện.

Điều 19. Trách nhiệm của Cơ sở nuôi dưỡng

1. Thực hiện các nội dung liên quan quy định tại Quy chế này.

2. Rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng và lập hồ sơ trẻ em. Cho ý kiến về phương án giới thiệu trẻ em cho người nhận con nuôi khi nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Tạo điều kiện hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện để người nhận con nuôi được tiếp xúc, làm quen với trẻ em khi đến Việt Nam có nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi.

4. Định kỳ 06 tháng, năm hoặc theo yêu cầu, báo cáo cơ quan chủ quản về tình hình sử dụng chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài và việc tiếp nhận, sử dụng, quản lý các khoản hỗ trợ nhân đạo của cha mẹ nuôi và tổ chức con nuôi

nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật để tổng hợp báo cáo Bộ Tư pháp.

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác và nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm dự trù kinh phí để thực hiện công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và đảm bảo thực hiện nhiệm vụ Quy chế này vào dự toán ngân sách kinh phí hàng năm của đơn vị, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh